

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Thông tin Hà Nội xuất hiện ca dương tính mới với lịch trình đi lại phức tạp khiến áp lực chốt lời gia tăng và TTCK Việt Nam điều chỉnh sau 3 phiên tăng liên tiếp

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến thận trọng trong phiên hôm nay, tương đồng với TTCK thế giới

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VNM, YEG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị chờ nhịp điều chỉnh rõ nét hơn của chỉ số, về lại vùng hỗ trợ gần tại 855-860 trước khi mở lại một phần vị thế ngắn hạn

26/08/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	873.47	-0.07
VN30	812.36	-0.35
HĐTL VN30F1M	813.20	+0.02
HNXIndex	123.89	+0.42
HNX30	231.98	+1.17
UPCoM	58.52	+0.57
USD/VND	23,175	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.91	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.18	+6
Dầu (WTI, \$)	43.40	+0.12
Vàng (LME, \$)	1,922.11	-0.31



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 873.47 (-0.07%)
KLGD (triệu CP) 321.6 (-2.6%)
GTGD (triệu US\$) 269.0 (-17.5%)

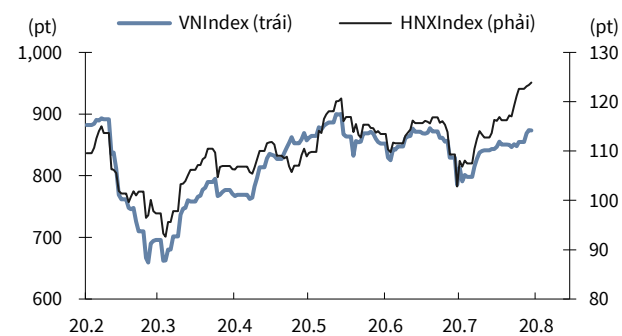
HNXIndex 123.89 (+0.42%)
KLGD (triệu CP) 58.6 (+11.1%)
GTGD (triệu US\$) 30.1 (+15.3%)

UPCoM 58.52 (+0.57%)
KLGD (triệu CP) 24.6 (-4.2%)
GTGD (triệu US\$) 13.8 (-17.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -16.3

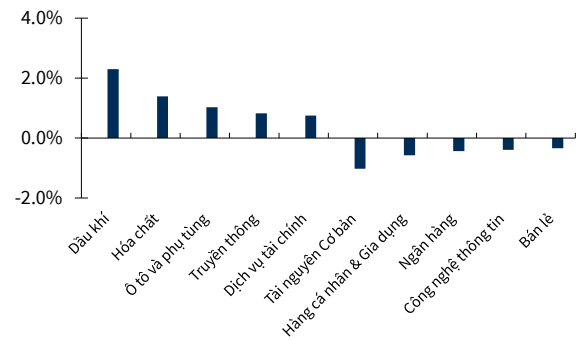
Thông tin Hà Nội xuất hiện ca dương tính mới với lịch trình đi lại phức tạp khiến áp lực chốt lời gia tăng và TTCK Việt Nam điều chỉnh sau 3 phiên tăng liên tiếp. Phản ứng trước thông tin trên, cổ phiếu ngành hàng tiêu dùng đồng loạt điều chỉnh ở MWG (-0.3%), PNJ (-1.2%). Cổ phiếu ngân hàng cũng có phiên giảm điểm trên diện rộng ở VCB (-0.5%), BID (-0.4%). Trong khi đó, cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp như LHG (+7%), SNZ (+4.3%) đồng loạt tăng mạnh sau các đánh giá tích cực của Bloomberg về triển vọng Việt Nam trong việc thu hút các nhà sản xuất toàn cầu bất chấp dịch Covid-19. Cổ phiếu dầu khí đồng loạt bứt phá ở PVD (+6.5%), PVS (+4%) sau diễn biến tích cực của giá dầu thế giới, cùng thông tin PVD trúng thầu dự án mới tại Campuchia. Cổ phiếu ngành chứng khoán diễn biến tích cực ở VCI (+4.5%), MBS (+2.2%) sau thông tin Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 203/2015/TT-BTC, bổ sung cơ chế cho phép bán khống có đảm bảo. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng, tập trung ở HPG (-1.4%), VNM (-0.2%), VCB (-0.5%).

VNIndex & HNXIndex



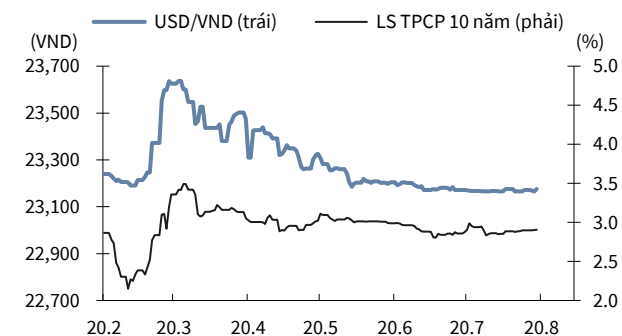
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



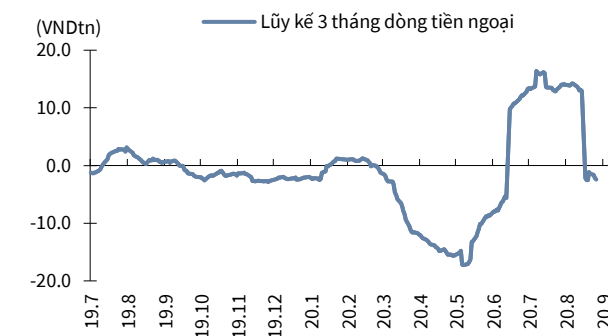
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



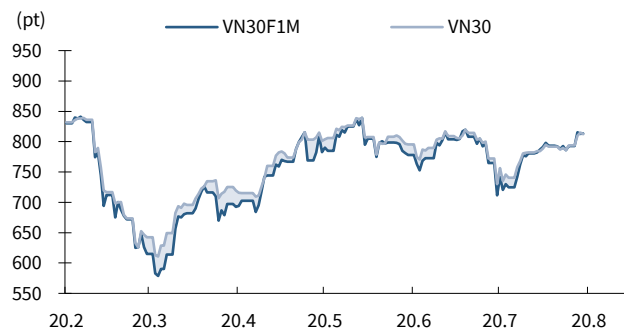
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	812.36 (-0.35%)
VN30F1M	813.2 (+0.02%)
Mở cửa	812.5
Cao nhất	819.0
Thấp nhất	811.3
KLGD (HĐ)	158,951 (-11.1%)

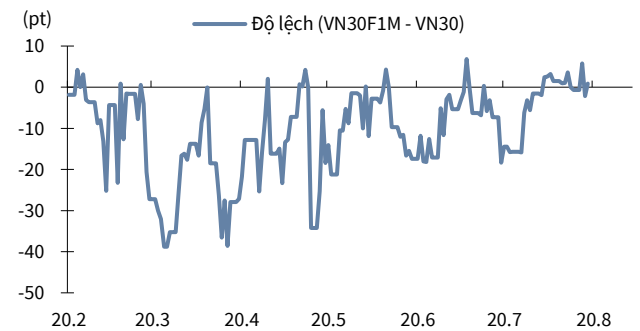
HĐTL diễn biến thận trọng trong phiên hôm nay, tương đồng với TTCK thế giới khi NĐT chờ đợi những tín hiệu từ bài phát biểu của chủ tịch Fed ông Powell ở hội nghị Jackson Hole. Chênh lệch F2009 và VN30 mở cửa ở -2.68 và giảm xuống mức thấp nhất -3.28 do thị trường chịu ảnh hưởng bởi dư âm của nhịp bán tháo cuối phiên hôm qua, trước khi quay lại vào giao động quanh -1.1 đến 4.3. Cuối phiên chênh lệch thu hẹp và đóng cửa ở 0.36 khi NĐT cover vị thế LONG trong tâm lý thận trọng chờ đợi diễn biến mới từ TTCK thế giới. NĐTNN mua ròng trở lại sau khi bán ròng mạnh phiên trước đó, thanh khoản thị trường giảm nhẹ và ở mức trung bình.

HĐTL VN30F1M & VN30



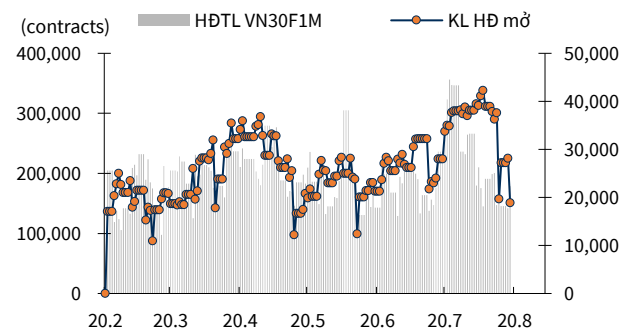
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



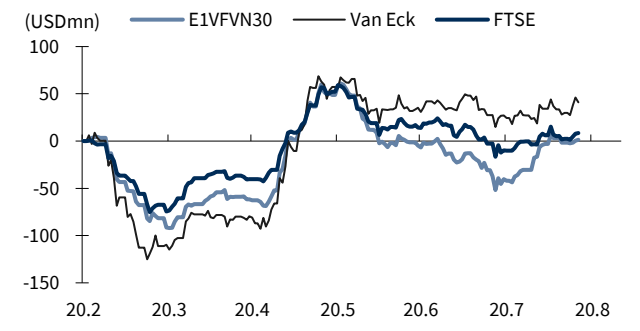
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

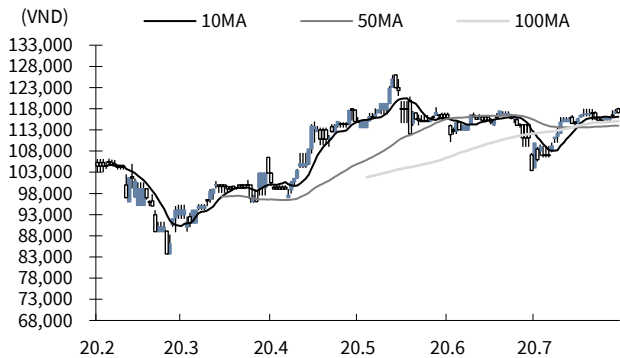
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

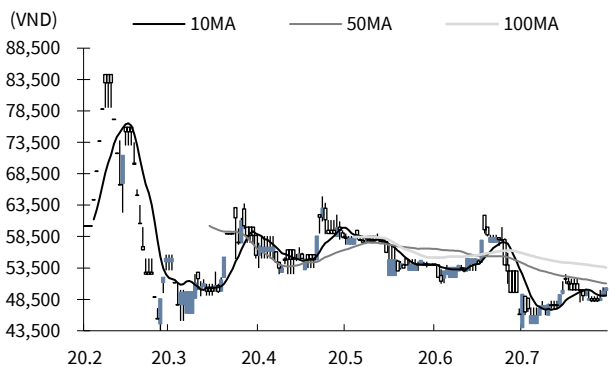
Vinamilk (VNM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM giảm -0.2% xuống 117,100 VNĐ/cp.
- VNM thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 30/9 để thưởng cổ phiếu tỷ lệ 20% (sở hữu 10 cổ phiếu nhận 2 cổ phiếu thưởng) và tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 tỷ lệ 20% bằng tiền (tương ứng 2,000 VNĐ/cp). Ngày giao dịch không hưởng quyền là 29/9.
- Theo đó, công ty sẽ phát hành 348.3 triệu cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Sau phát hành, vốn điều lệ công ty tăng lên 20,900 tỷ đồng. Ngày thanh toán cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 2,000 đồng/cổ phiếu dự kiến 15/10.

Yeah 1 (YEG)



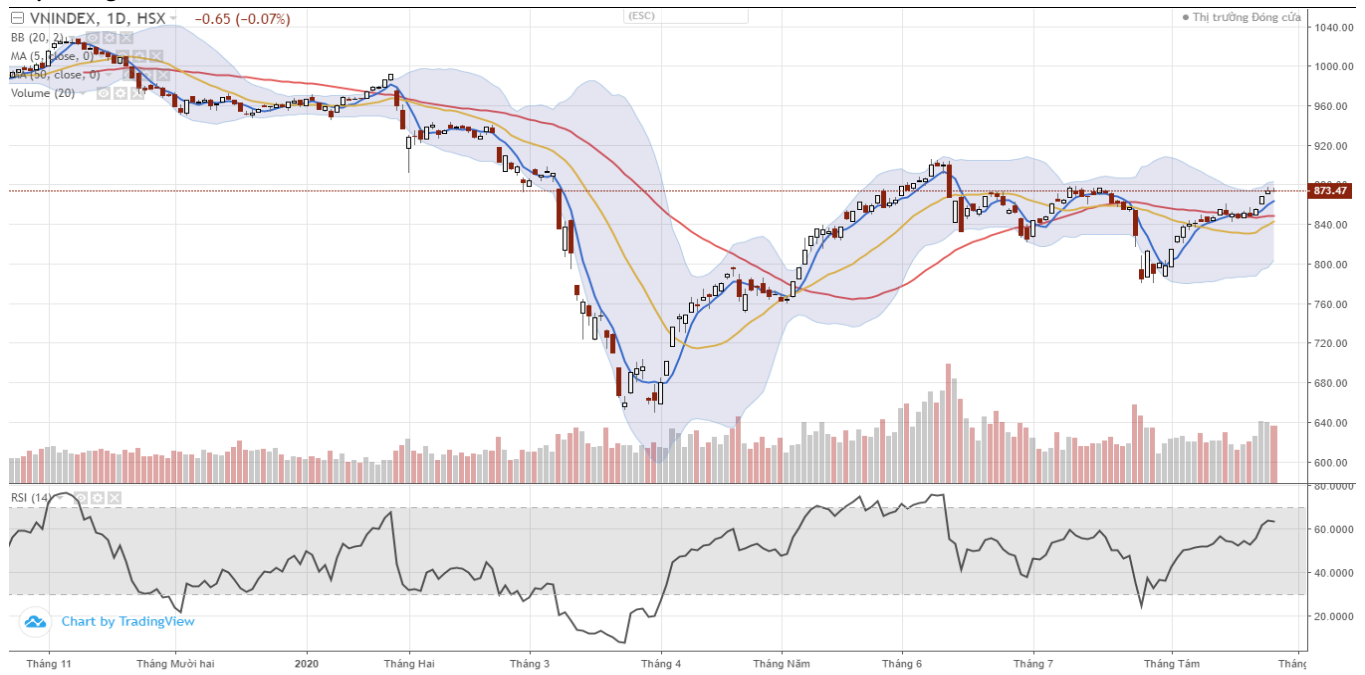
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- YEG tăng 1% lên 50,300 VNĐ/cp.
- YEG vừa thông qua kế hoạch bán 1.77 triệu cổ phiếu quỹ, mục tiêu bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư phát triển. Thời gian giao dịch dự kiến sau khi được UBCKNN chấp thuận và sau 7 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin. Lượng cổ phiếu quỹ này được YEG mua vào trước đó với giá mua bình quân hơn 80,000 VNĐ/cp.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

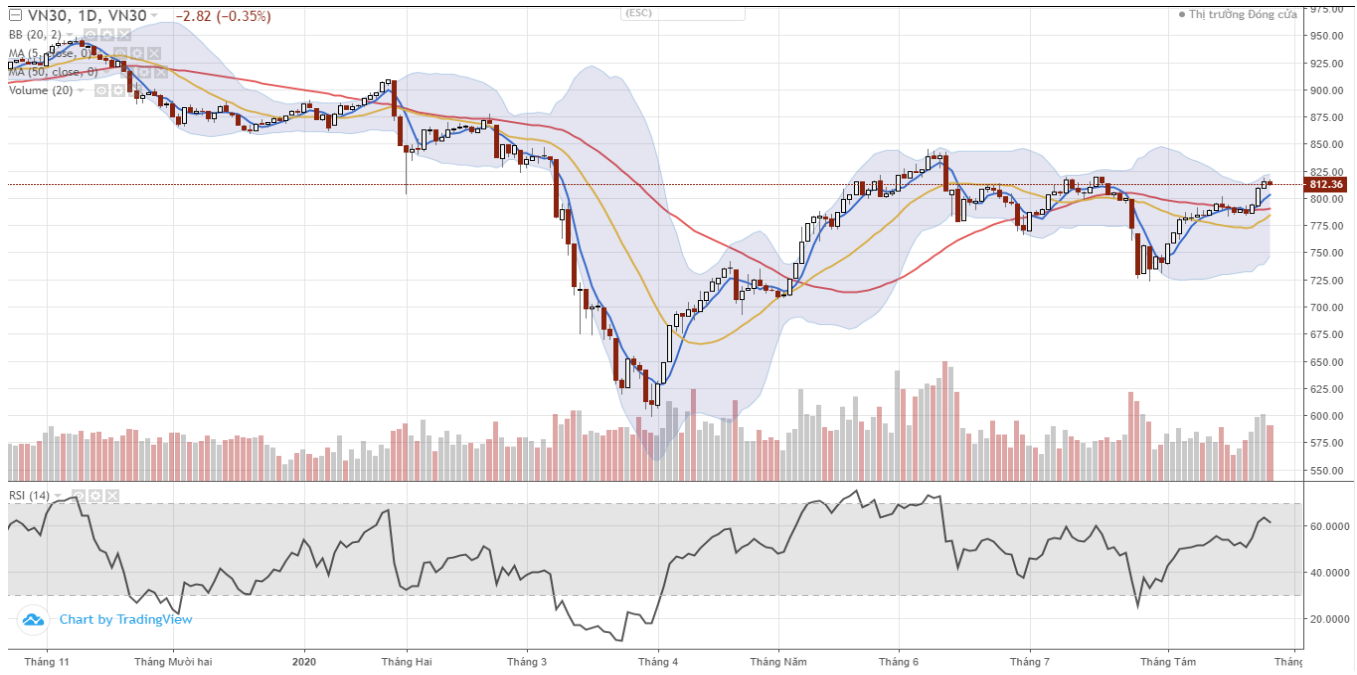
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

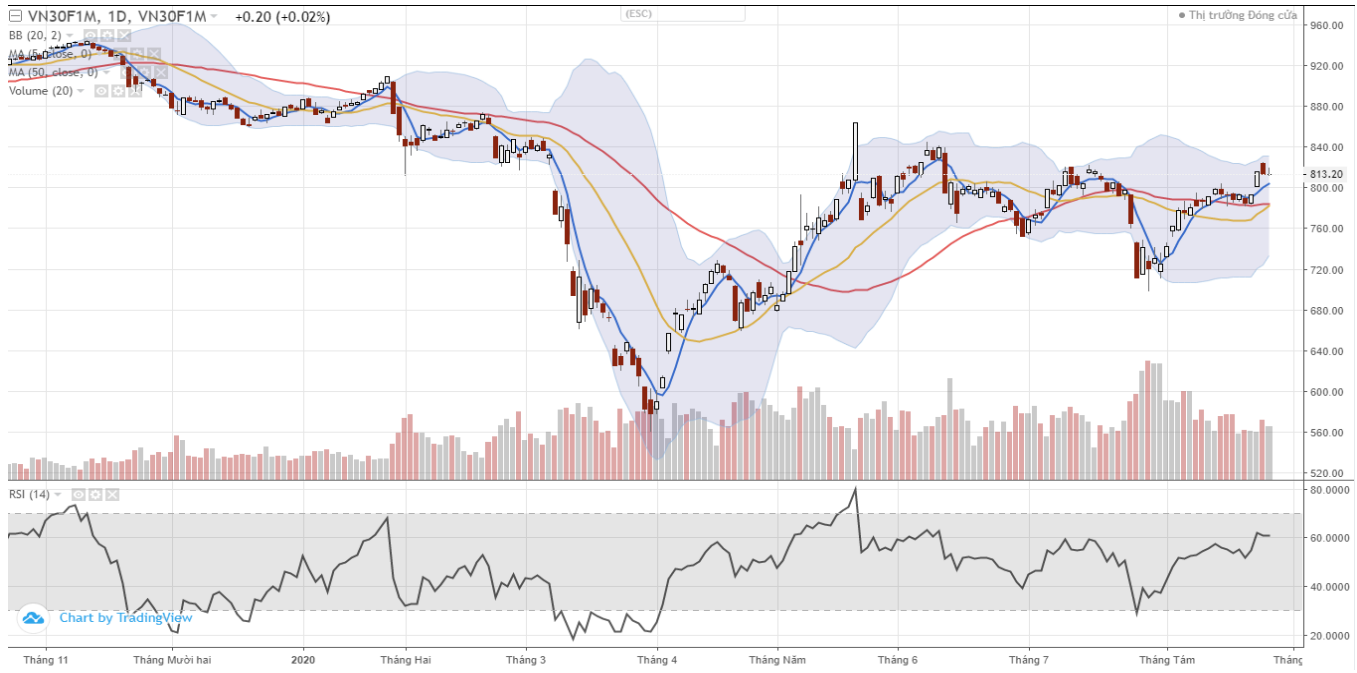
- VNIndex diễn biến giằng co trong biên độ hẹp phiên hôm nay.
- Chúng tôi cho rằng vùng kháng cự 880 (+5) sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới diễn biến chỉ số, tạo áp lực rung lắc và gia tăng rủi ro điều chỉnh ngắn hạn.
- NĐT được khuyến nghị chờ nhịp điều chỉnh rõ nét hơn của chỉ số, về lại vùng hỗ trợ gần tại 855-860 trước khi mở lại một phần vị thế ngắn hạn

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 cũng diễn biến giằng co trong biên độ hẹp với áp lực bán có phần gia tăng về cuối phiên.
- Trạng thái kỹ thuật của chỉ số không có nhiều thay đổi và chúng tôi cần chờ thêm diễn biến phiên ngày mai để xác nhận xu hướng của VN30.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị giao dịch linh hoạt với tỷ trọng giữ ở mức thấp, ưu tiên mở vị thế SHORT ở vùng kháng cự trong phiên nhưng cần đặt điểm STOP chặt chẽ khi chỉ số cho tín hiệu vượt cản thành công.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

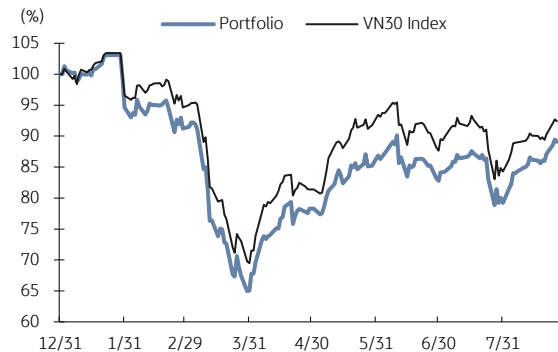
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.35%	-0.36%
Tăng lũy kế (YTD)	-7.59%	-10.88%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/08/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	87,300	-0.3%	-24.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,450	0.4%	2.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	59,000	-1.2%	-23.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,900	-0.8%	-9.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	36,450	-1.1%	7.2%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	48,400	-0.9%	44.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	24,700	0.0%	1.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	100,600	1.1%	-22.1%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,200	-1.4%	23.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	13,900	0.7%	1.5%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	0.0%	13.8%	17.2
FUEVFNVD	-0.9%	100.0%	13.2
SAB	-1.2%	63.2%	8.6
PLX	2.0%	14.7%	7.1
VRE	0.9%	30.7%	6.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.4%	42.8%	-165.0
VNM	-0.2%	58.7%	-93.0
VCB	-0.5%	23.8%	-41.1
VHM	-0.1%	20.7%	-39.3
HDG	0.7%	9.3%	-16.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.3%	3.0%	7.2
NRC	5.0%	24.0%	0.5
TTZ	2.0%	20.5%	0.4
DST	-9.7%	0.1%	0.4
PGS	4.5%	3.4%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	4.0%	10.7%	-1.7
SDT	-4.4%	8.4%	-0.8
LAS	-1.7%	1.6%	-0.2
TTT	0.3%	5.7%	-0.2
DHP	1.1%	2.4%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	9.2%	PLX, PVD
Bán lẻ	6.1%	MWG, DGW
Bảo hiểm	5.5%	BVH, BMI
Hóa chất	5.3%	GVR, DGC
Y tế	4.3%	DHG, IMP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	0.2%	HPG, DTL
Truyền thông	0.3%	PNC, YEG
Du lịch và Giải trí	0.8%	HOT, SCS
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.4%	POW, PGD
Thực phẩm và đồ uống	1.7%	DAT, HNG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	24.0%	PLX, PVD
Bán lẻ	17.8%	MWG, DGW
Bảo hiểm	17.5%	BVH, BMI
Hóa chất	17.3%	GVR, DGC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.0%	APH, GMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	6.8%	PNC, YEG
Bất động sản	7.9%	NVL, LEC
Du lịch và Giải trí	8.5%	RIC, HOT
Thực phẩm và đồ uống	9.4%	ABT, HNG
Ngân hàng	10.2%	EIB, STB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	91,000	307,801 (13,282)	45,443 (2.0)	22.9	48.9	36.0	19.7	7.5	8.8	3.5	3.2	0.0	5.2	3.4	-20.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,500	261,516 (11,284)	127,710 (5.5)	28.3	9.7	8.5	35.0	38.4	30.7	3.1	2.3	-0.1	-0.6	4.6	-6.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,200	61,807 (2,667)	60,595 (2.6)	18.4	23.8	17.8	3.9	9.9	11.9	2.2	2.0	0.9	3.2	-2.7	-20.0
	NVL	NO VA LAND INVES	62,800	60,968 (2,631)	98,838 (4.3)	32.4	17.1	17.4	-0.3	13.1	11.9	2.4	-	-0.2	-0.8	-0.2	5.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,550	13,522 (583)	11,573 (0.5)	5.5	13.0	10.8	12.9	14.1	16.0	1.7	1.5	-0.2	5.4	5.6	-4.2
	DXG	DAT XANH GROUP	10,150	5,261 (227)	42,506 (1.8)	12.8	6.6	5.0	-24.5	10.2	14.0	0.6	0.5	0.0	12.2	7.5	-30.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	83,500	309,691 (13,363)	66,323 (2.9)	6.3	18.7	15.4	11.8	19.9	19.6	3.2	2.6	-0.5	0.6	3.1	-7.4
	BID	BANK FOR INVESTM	39,350	158,266 (6,829)	29,499 (1.3)	12.3	32.6	19.4	-8.6	9.3	12.3	2.1	1.9	-0.4	1.9	3.0	-14.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,100	73,853 (3,187)	41,133 (1.8)	0.0	7.3	6.2	3.6	15.6	15.5	1.0	0.9	-0.9	4.5	8.2	-10.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	24,700	91,968 (3,968)	100,165 (4.3)	0.0	13.3	10.8	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	0.0	6.0	11.0	18.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,900	55,824 (2,409)	77,851 (3.4)	0.0	7.3	6.2	0.5	16.7	16.2	1.1	0.9	-0.4	7.0	8.0	14.5
	MBB	MILITARY COMMERC	17,900	43,165 (1,863)	79,071 (3.4)	0.0	6.1	5.0	7.4	18.4	17.9	0.9	0.8	-0.8	5.0	8.5	-13.9
	HDB	HDBANK	28,250	27,287 (1,177)	26,099 (1.1)	9.2	6.8	5.9	19.5	20.2	20.1	1.2	1.0	0.2	4.1	11.7	2.5
	STB	SACOMBANK	11,200	20,201 (872)	99,585 (4.3)	14.4	12.4	7.9	1.6	6.5	9.3	-	-	-0.4	3.7	2.8	11.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,300	18,210 (786)	2,058 (0.1)	0.0	6.4	5.0	26.3	22.5	20.2	1.1	0.9	-0.7	5.4	7.7	5.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,950	20,839 (899)	3,906 (0.2)	0.1	36.5	34.9	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	0.0	0.6	0.9	-4.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	47,600	35,335 (1,525)	27,246 (1.2)	20.8	31.9	24.5	-2.3	6.1	7.7	1.8	1.7	0.4	5.1	9.2	-30.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,000	2,192 (095)	6,048 (0.3)	13.8	-	-	-	7.6	8.6	1.0	0.9	-0.8	10.1	14.6	-3.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,050	9,044 (390)	61,897 (2.7)	51.2	10.6	8.3	-17.7	8.2	10.7	0.9	0.8	0.3	3.4	5.2	-3.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	24,350	4,000 (173)	12,944 (0.6)	70.9	8.7	6.8	-24.9	11.1	13.0	0.9	0.8	4.5	9.4	13.3	-17.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	18,600	5,675 (245)	39,301 (1.7)	49.1	12.7	7.9	-22.5	11.0	17.1	1.3	1.2	1.4	4.5	7.8	-12.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,950	2,492 (108)	7,154 (0.3)	13.8	10.7	6.7	-19.1	7.4	11.2	0.7	0.7	0.8	3.0	-0.4	-17.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	117,100	203,915 (8,799)	141,137 (6.1)	41.3	19.8	18.5	6.0	37.5	38.1	6.8	6.1	-0.2	1.6	5.4	0.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	184,200	118,124 (5,097)	27,816 (1.2)	36.8	29.1	25.2	-1.0	20.9	23.2	5.8	5.2	-1.2	2.0	1.7	-19.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	53,500	62,846 (2,712)	69,220 (3.0)	10.5	55.9	26.2	-51.7	3.2	6.2	1.5	1.5	-0.2	1.5	2.9	-5.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,300	13,635 (588)	10,561 (0.5)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-3.9	-1.6	-11.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	100,600	52,698 (2,274)	33,584 (1.4)	12.2	-	14.2	-	11.6	22.6	3.3	3.5	1.1	0.6	-3.1	-31.2
	GMD	GEMADEPT CORP	23,450	6,963 (300)	13,353 (0.6)	0.0	18.2	16.2	-54.7	6.9	7.5	1.2	1.1	2.0	2.2	26.1	0.6
	CII	HO CHI MINH CITY	18,300	4,371 (189)	19,013 (0.8)	34.1	12.8	11.5	108.8	7.7	7.9	0.9	0.9	0.8	1.9	1.7	-18.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,240	1,271 (055)	18,847 (0.8)	46.4	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-1.3	-7.4	-87.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,250	10,457 (451)	88,036 (3.8)	33.3	27.3	11.7	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.2	2.5	12.4	15.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	80,400	6,134 (265)	51,118 (2.2)	2.2	10.6	10.6	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.7	-1.6	1.1	9.2	56.7
	REE	REE	36,450	11,301 (488)	17,691 (0.8)	0.0	7.4	6.6	-10.2	12.9	14.0	1.0	0.9	-1.1	3.3	12.2	0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	73,500	140,675 (6,070)	41,578 (1.8)	45.7	18.8	14.7	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.7	-0.4	1.9	7.6	-21.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,800	6,564 (283)	6,535 (0.3)	30.4	9.4	9.2	-2.8	16.8	17.4	1.5	1.5	0.9	4.1	8.6	5.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,950	7,679 (331)	3,436 (0.1)	32.8	8.2	8.7	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	-0.4	2.4	0.0	-11.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,200	80,181 (3,460)	301,202 (13.0)	16.0	8.6	7.1	4.2	18.1	19.4	1.4	1.2	-1.4	-0.2	8.2	23.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,000	6,261 (270)	50,713 (2.2)	37.7	10.5	11.1	-0.7	8.8	7.9	0.8	0.7	2.6	11.5	12.3	23.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	9,110	4,823 (208)	16,421 (0.7)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	0.3	5.3	8.5	40.2
	HSG	HOA SEN GROUP	11,600	5,154 (222)	106,408 (4.6)	38.9	6.2	6.2	45.8	14.4	12.5	0.8	0.7	-0.9	0.4	11.0	56.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,300	2,598 (112)	31,812 (1.4)	97.8	5.8	6.7	45.9	13.4	10.4	0.6	0.6	0.4	0.8	3.8	-3.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,400	61,979 (2,674)	24,555 (1.1)	5.3	50.0	18.4	-40.0	5.8	15.1	2.6	2.2	2.0	9.4	13.2	-8.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,400	4,801 (207)	53,498 (2.3)	37.1	44.7	21.6	-15.6	0.9	0.9	0.4	0.3	6.5	6.5	17.5	-24.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	11,200	3,152 (136)	15,513 (0.7)	27.0	7.4	6.4	-18.0	9.2	9.9	0.6	0.6	2.8	1.8	16.7	-33.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	87,300	39,531 (1,706)	74,392 (3.2)	0.0	11.3	8.8	9.2	25.9	27.0	2.6	2.1	-0.3	6.7	10.2	-23.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	59,000	13,282 (573)	34,253 (1.5)	0.0	15.5	12.6	-2.7	20.9	23.1	2.6	2.4	-1.2	6.1	5.4	-31.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	50,300	1,484 (064)	705 (0.0)	69.3	21.1	15.4	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.3	1.0	1.0	1.4	35.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,400	1,927 (083)	12,896 (0.6)	13.5	16.3	11.0	-41.1	9.1	12.6	1.4	1.2	-0.4	5.6	6.1	15.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,500	7,927 (342)	87,182 (3.8)	36.2	7.5	7.2	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	0.7	2.1	11.0	53.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,400	13,781 (595)	1,387 (0.1)	45.3	20.7	19.1	8.0	20.3	19.8	3.9	3.6	-0.6	9.4	12.8	15.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	70,000	5,251 (227)	3,301 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.3	0.7	14.8	28.9
IT	FPT	FPT CORP	48,400	37,941 (1,637)	72,199 (3.1)	0.0	10.8	9.2	19.1	24.0	25.3	2.4	2.1	-0.9	3.3	5.4	-4.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.